TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ - ST
Ngày 06/02/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Trung Kiên

Ông Lò Văn Chương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lò Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị S, sinh năm 1978

Nơi ĐKTT: Bản N, xã N, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: Bản T, xã N, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Bản N, xã N, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam N. Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường Nam H, tỉnh Ninh Bình.

(Nguyên đơn; bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/12/2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lường Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị S và anh Quàng Văn L kết hôn với nhau vào ngày 12/9/2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã N, tỉnh Điện Biên). Chị S và anh L kết hôn hoàn

toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng chung không hạnh phúc. Tháng 6 năm 2025 anh L vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân khu vực 2- Điện biên xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và đang chấp hành án tại trại giam Ninh Khánh Cục C10 Bộ Công An. Xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên không thể chung sống với nhau được nữa. Chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quàng Văn L.

Về con chung: Chị S khai, chị và anh L có 01 con chung là Quàng Thị Ngọc S, sinh ngày 18/4/2016. Nguyện vọng của Chị S xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Chị S không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên đã có công văn số 103/CV-TA ngày 17/12/2025 gửi Trại giam Ninh Khánh, Cục C10, Bộ Công an về việc tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án cho anh L.

Tại bản tự khai đề ngày 25 tháng 12 năm 2025 anh Quàng Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và Chị S quen nhau trên tinh thần tư nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Hẹ Muông vào năm 2016. Quá trình chung sống không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xuyên mâu thuẫn. Đầu năm 2025 anh và Chị S đã ly thân không chung sống cùng nhau nữa. Nay Chị S có đơn xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn với Chị S

Về con chung: Anh L khai, anh và Chị S có 01 con chung là Quàng Thị Ngọc S, sinh năm 2016. Anh L đồng ý với nguyện vọng của Chị S. Con chung sẽ do Chị S nuôi dưỡng và đồng ý về việc Chị S không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Tài sản riêng: Anh L khai không có.

- Nợ phải trả: Anh L khai có nợ ngân hàng số tiền 23.000.000 đồng nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Chị Lường Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Quàng Văn L và yêu cầu giải quyết về con chung. Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Anh L có hộ khẩu thường trú tại Bản Nậm Hẹ 1, xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35;

Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên.

Quá trình giải quyết vụ án do anh Quàng Văn L đang chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh, Cục C10, Bộ Công an nên không thể tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ. Do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải mà chỉ thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Quàng Văn L. Do vậy đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, Tòa án mở phiên tòa, Chị S và anh L đã được triệu tập hợp lệ và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238/BLTTDS xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lường Thị S và anh Quàng Văn L kết hôn ngày 12/9/2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên). Chị S và anh L kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa Chị S và anh L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị S và anh L đều khai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2025. Hôn nhân giữa Chị S và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Thính.

[2.2]. Về con chung:

Chị S và anh L đều công nhận, vợ chồng có một con chung là Quàng Thị Ngọc S, sinh ngày 18/4/2016. Chị S và anh L đều nhất trí con chung sẽ so Chị S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Quàng Thị Ngọc S cũng có nguyện vọng được ở cùng Chị S để Chị S chăm sóc và nuôi dưỡng. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho con chung và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận sự nguyện vọng của Chị S, anh L và cháu Ngọc Sinh. Giao con chung cho Chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Việc cấp dưỡng nuôi con Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về quan hệ tài sản:

- Tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, đất ruộng: Chị S không yêu cầu Tòa giải quyết. Anh L khai vợ chồng có nợ ngân hàng số tiền

23.000.000 đồng nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên Chị S là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế khó khăn, gia đình thuộc hộ cận nghèo. Chị S có đơn đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Chị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị S được ly hôn với anh Quàng Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Quàng Thị Ngọc S, sinh ngày 18/4/2016 cho chị Lường Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con, Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về; diện tích ruộng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lường Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Lường Thị S và anh Quàng Văn L đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND Khu vực 2 - Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Núa Ngam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Dương